TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ S** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST
Ngày 11- 5 -2020
V/v ly hôn;

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S – TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Liễu

Bà Trịnh Thị Cúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng - là Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố S, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Hà Quang Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố S, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2019 về " Ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Ng - sinh năm1999; (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố V, Phường Q, Thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Trâm: Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, tỉnh Thanh Hóa (có mặt)

- *Bị đơn:*Anh Văn Đình Tr – sinh năm 1995; (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố S, Phường T, Thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/12/2019, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Chị Lê Thị Ng yêu cầu giải quyết vụ án đối với bị đơn anh Văn Đình Tr như sau:

Vào ngày 08/3/2018, Chị Lê Thị Ng và anh Văn Đình Tr đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố S, Thanh Hóa, sau khi cưới một thời gian, chị Ng phát hiện gia đình chồng và anh Tr lừa rối chị, tình cảm vợ chồng không hợp nhau, cuộc sống của chị tại gia đình chồng không được tôn trọng, gây ra cho chị nhiều áp lực, do không chịu được nên chị đã sống ly thân với anh Tr

từ tháng 06/2018. Nay chị thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị làm đơn xin được ly hôn với anh Văn Đình Tr.

Về con chung: Chị Lê Thị Ng và anh Văn Đình Tr không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Ng không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Văn Đình Tr: Sau khi Tòa án thông báo thụ lý vụ án, Văn phòng Thừa phát lại đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho anh theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp và anh đã ký nhận vào biên bản tống đạt. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án anh không có mặt, cũng không có lý do. Tòa án đã tiến hành thông báo phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 27/2/2020 nhưng anh Tr không có mặt cũng không có lý do. Nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được do một bên vắng mặt.

Tại phiên tòa, Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Ng đề nghị, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với anh Tr, nguyên đơn không bổ sung ý kiến gì thêm.

Kết thúc phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về hướng giải quyết vụ án Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Lê Thị Ng, xử cho chị Ng được ly hôn với anh Văn Đình Tr.

Về án phí, Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Ng vì chị thuộc diện hộ cận nghèo và đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên Tòa, trên cơ sở quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân về hướng giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 27/12/2019, Tòa án thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu của nguyên đơn Chị Lê Thị Ng đối với bị đơn anh Văn Đình Tr là tranh chấp hôn nhân và gia đình, quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự về " Ly hôn" vụ án được xem xét, giải quyết theo thẩm quyền tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có mặt tại địa phương tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án nhưng không có mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Căn cứ Điều 203, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đảm bảo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Ng và anh Văn Đình Tr kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, việc kết hôn được Uỷ ban nhân dân

phường Tr, Thành phố S cấp giấy chứng nhận kết hôn, tại thời điểm kết hôn cả hai bên anh và chị đều đủ tuổi kết hôn không vi phạm các quy định tại các Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Ng và anh Tr được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Năm 2018, Chị Lê Thị Ng và anh Văn Đình Tr tổ chức kết hôn và xây dựng gia đình hạnh phúc, sau khoảng thời gian chung sống thì cả anh và chị đều bộ lộ những tính cách riêng của mình, nên cuộc sống hôn nhân của anh và chị đã không tìm được tiếng nói chung. Từ đó, dẫn đến vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là tính tình hai bên không hòa hợp nhau do đó vợ chồng dẫn đến ly thân từ tháng 6/ 2018. Như vậy, về thực trạng hôn nhân, giữa chị Ng và anh Tr đã có nhiều mâu thuẫn, hai bên không còn tình cảm với nhau, không đạt được mục đích hôn nhân. Do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấm dứt quan hệ hôn nhân của anh và chị như hiện nay.

[4]. Xét việc vắng mặt của bị đơn: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án thành phố Sầm Sơn đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho anh Tr. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, anh Tr đều vắng mặt. Tòa án xác định, anh Văn Đình Tr có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố Sơn Hải, Phường Trường S, Thành phố S và sinh sống tại địa phương là có căn cứ. Theo quy định tại khoản 1, Điều 12, Luật cư trú 2006 được sửa đổi, bổ sung năm 2013 và khoản 1, Điều 40, của Bộ luật dân sự 2015 quy định, thì nơi cư trú của bị đơn là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống. Như vậy, việc vắng mặt của anh Tr quá trình giải quyết vụ án là thuộc trường hợp cố tình vắng mặt, gây khó khăn nhằm kéo dài việc giải quyết vụ án cho Tòa án. Căn cứ các Điều 203, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Tr là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi, ích cho đương sự trong vụ án.

[4] Về con chung: Chị Ng và anh Tr không có con chung nên không xem xét giải quyết

[5] Về tài sản chung: Chị Ng có đơn xin thay đổi yêu cầu về phần tài sản nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Ng thuộc đối tượng hộ cận nghèo, nên được xem xét miễn nộp, giảm tiền án phí, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 227, Điều 228, Điều 235, điểm a, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Ng, chị Ng được ly hôn với anh Văn Đình Tr.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Lê Thị Ng.

Án xử công khai có mặt chị Ng vắng mặt anh Tr, chị Ng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Tr được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố S, Thanh Hóa.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiện thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS Tp. S;
- Chi cục THA DS Tp. S;
- UBND Phường T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Ngọc Liễu, Trịnh Thị Cúc ***Nguyễn Văn Nghi***